



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ DU LỊCH

CẨM NANG TUYÊN TRUYỀN, HƯỚNG DẪN

THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN



LỜI GIỚI THIỆU

TIỀM NĂNG DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN HÀ NỘI

Phát triển du lịch nông nghiệp là một hướng phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn và bền vững, đảm bảo giữ được nét văn hoá đặc thù, bản sắc văn hoá địa phương; góp phần thay đổi cảnh quan, môi trường, nâng cao đời sống vật chất văn hoá tinh thần cũng như thúc đẩy kinh tế địa phương, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Hà Nội có 58,9% diện tích đất nông nghiệp, nông thôn gắn với các “vùng xanh” cùng với quỹ di sản văn hoá vô cùng phong phú, đa dạng với 5.922 di tích lịch sử, văn hóa; 1.793 di sản văn hóa phi vật thể; trên 1.350 làng nghề và làng có nghề; 1.095 lễ hội dân gian cổ truyền và sinh hoạt văn hóa cộng đồng; 1.695 trang trại; 2.167 sản phẩm OCOP được công nhận, trong đó có hai sản phẩm OCOP đầu tiên được đánh giá, phân hạng 4 sao thuộc nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Điểm du lịch dịch vụ làng quê Hồng Vân, xã Hồng Vân (huyện Thường Tín) và Khu sinh thái Phù Đổng Green Park, xã Phù Đổng (huyện Gia Lâm); 7 điểm du lịch ở khu vực ngoại thành, gắn với du lịch nông nghiệp, nông thôn, làng nghề, sinh thái gồm: Điểm du lịch xã Dương Xá, điểm du lịch Phù Đổng (huyện Gia Lâm); điểm du lịch làng nghề lược sừng Thụy Ứng, điểm du lịch làng nghề mộc cao cấp Vạn Điểm (huyện Thường Tín); điểm du lịch Đại Áng, điểm du lịch Yên Mỹ (huyện Thanh Trì); điểm du lịch thôn Lòong Hồ, xã Kim Sơn (thị xã Sơn Tây) và nhiều điểm du lịch nông thôn khác như: Khu thắng cảnh Hương Sơn (huyện Mỹ Đức), Làng cổ Đường Lâm (thị xã Sơn Tây); Ngoài ra, thành phố đã có 11 trang trại nông nghiệp sinh thái hoạt động theo mô hình giáo dục, du lịch trải nghiệm; 4 hợp tác xã nông nghiệp khai thác mô hình trang trại đồng quê. Hà Nội hội tụ các điều kiện để phát triển du lịch văn hóa, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp...



Trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về di sản văn hóa, làng nghề, sản vật tiêu biểu, cảnh quan đặc sắc..., nhiều địa phương đã khai thác để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả.

Thành phố Hà Nội đã ban hành Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17-3-2021 của Thành ủy về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025”; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố về Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND Thành phố về phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Tài liệu này là những văn bản quan trọng trong triển khai Chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Để phát triển du lịch nông thôn thật sự là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng nông thôn mới, Sở Du lịch Hà Nội trân trọng giới thiệu nội dung các văn bản nêu trên đến các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, cá nhân có liên quan để thuận tiện trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình biên soạn nội dung dù đã cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Rất mong bạn đọc góp ý để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn!

*Trân trọng giới thiệu
Hà Nội, tháng 12/2023.*



HANOI

DU LỊCH NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN

Tác phẩm: Mùa hoa súng

Tác giả: Nguyễn Hồng



Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn
trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chính sau đây:

1. Quan điểm

a) Phát triển du lịch nông thôn là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trên cơ sở thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông thôn, góp phần hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả, bền vững các tiêu chí nông thôn mới.

b) Phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị, phù hợp với nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề, các hoạt động nông nghiệp và môi trường sinh thái đặc trưng vùng miền, gắn với chuyển đổi số và đổi mới, sáng tạo.

c) Phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ

động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác vào phát triển kinh tế du lịch nông thôn thông qua các hình thức liên kết chuỗi giá trị du lịch hiệu quả.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phát triển, chuẩn hoá các điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn; mỗi tỉnh, thành phố phấn đấu có ít nhất 01 điểm du lịch nông thôn được công nhận gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hóa, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương; 50% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch nông thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với quá trình chuyển đổi số; ít nhất 50% điểm du lịch nông thôn được công nhận được số hóa và kết nối trên trang quảng bá, xúc tiến du lịch bằng công nghệ số.

- Phấn đấu 100% điểm du lịch nông thôn được giới thiệu, quảng bá; 50% điểm du lịch nông thôn ứng dụng các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

- Phấn đấu mỗi huyện nông thôn mới có tiềm năng du lịch xây dựng ít nhất 01 mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù.

- Ít nhất 70% chủ cơ sở du lịch nông thôn được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; 80% lao động du lịch nông thôn được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó ít nhất 50% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch có ít nhất 01 nhân viên thành thạo ngoại ngữ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch nông thôn trên toàn quốc.

3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi thực hiện:

- Phạm vi về không gian: Triển khai ở khu vực nông thôn của cả nước, tập trung tại các điểm du lịch nông thôn do cộng đồng địa phương tổ chức quản lý hoặc có sự tham gia của cộng đồng.

- Phạm vi về thời gian: Từ năm 2022 đến năm 2025.

b) Đối tượng thực hiện:

Các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp trung ương đến địa phương và các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia vào lĩnh vực du lịch nông thôn; đặc biệt là các hộ gia đình, chủ thể hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn nông thôn có nhu cầu khai thác và liên kết phát triển du lịch nông thôn.

4. Nhiệm vụ

a) Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch.

- Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn,...).

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản nông thôn, ăn uống, giải khát, vệ sinh...) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với các điểm du lịch với khoảng cách hợp lý.

b) Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi,...). Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao và bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch.

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao,...; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống... để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống,... gắn với du lịch nông thôn.

c) Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng

- Nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở về quản lý và phát triển hoạt động du lịch nông thôn.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm, kiến thức làm du lịch cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, xây dựng văn

hóa du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn và văn minh.

- Chuyên nghiệp hóa việc cung cấp, kiểm tra, kiểm soát dịch vụ du lịch có chất lượng và công tác quản lý điểm du lịch nông thôn.

d) Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn

- Xây dựng, triển khai các chương trình xúc tiến quảng bá, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên lợi thế của hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc trưng văn hóa, sinh thái của các địa phương; xây dựng, phát triển và định vị thương hiệu điểm đến du lịch nông thôn.

- Tăng cường nghiên cứu, xây dựng các công cụ, phương thức, nội dung xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn phù hợp với các loại hình du lịch và các đối tượng du khách; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện cho xúc tiến quảng bá các điểm du lịch nông thôn, sản phẩm du lịch nông thôn, tiếp cận các thị trường du lịch, kết nối với khách hàng mục tiêu.

- Tập trung hỗ trợ, tăng cường liên kết trong hoạt động kinh doanh du lịch giữa các xã, huyện nông thôn mới có tiềm năng phát triển du lịch với các công ty lữ hành để chào bán các sản phẩm du lịch nông thôn cho khách du lịch nội địa và quốc tế.

đ) Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững Xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách,...) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

5. Giải pháp thực hiện

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển du lịch nông thôn

- Xây dựng định hướng phát triển du lịch nông thôn và tích hợp, bổ sung trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch nông thôn; thúc đẩy liên kết nông thôn - đô thị trong phát triển du lịch, ưu tiên phát triển du lịch nông thôn ở những nơi có lợi thế về tài nguyên, kết nối với các khu vực động lực phát triển du lịch, trung tâm du lịch, trung tâm gửi khách. Các địa phương có tiềm năng du lịch xây dựng đề án, chương trình hoặc kế hoạch phát triển du lịch nông thôn giai đoạn 2022 - 2025, gắn với rà soát các điểm du lịch nông thôn phù hợp với các quy hoạch liên quan (về kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...).

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, định mức kỹ thuật về du lịch nông thôn gắn với hoạt động quản lý nhà nước về du lịch.

- Rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển du lịch nông thôn, gồm: (i) các chính sách về sử dụng quỹ đất đai cho phát triển du lịch nông thôn phù hợp với quy hoạch vùng và địa phương, và quy hoạch nông thôn đảm bảo tính kết nối giữa các điểm đến; (ii) chính sách đầu tư phát triển hạ tầng du lịch nông thôn; (iii) chính sách hỗ trợ (nguồn lực, đào tạo, thông tin, tư vấn...) cho từng đối tượng chủ thể (hộ dân, cộng đồng, hợp tác xã, trang trại, doanh

nghiệp, thanh niên, phụ nữ, người dân tộc thiểu số...) tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ du lịch nông thôn; (iv) chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đưa khách du lịch về khu vực nông thôn; (v) chính sách hỗ trợ cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tham gia vào đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại khu vực nông thôn, đào tạo nghề du lịch cho lao động nông thôn; (vi) chính sách khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống, các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp, duy trì phát triển đội ngũ nghệ nhân, các kỹ năng biểu diễn và dàn dựng các tiết mục, phục dựng mô hình sản xuất truyền thống phục vụ du lịch nông thôn; (vii) chính sách hỗ trợ liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng phục vụ du lịch tại khu vực nông thôn; (viii) chính sách hỗ trợ tiếp cận tài chính, vốn vay ưu đãi cho đầu tư vào du lịch nông thôn...

- Xây dựng hệ thống công cụ giám sát và hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá chất lượng điểm du lịch nông thôn, dịch vụ du lịch nông thôn; hướng dẫn thực hiện việc công nhận khu, điểm du lịch nông thôn.

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác công - tư (PPP), hợp tác công - tư - cộng đồng (PCCP) và các mô hình quản trị tích hợp các khu vực công và tư nhân, doanh nghiệp và cộng đồng trong phát triển du lịch nông thôn; xây dựng cơ chế quản lý, giám sát và phát triển du lịch nông thôn có sự tham gia của cộng đồng.

b) Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển du lịch nông thôn

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức hợp tác quốc tế, đầu tư của doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp, đóng góp của cộng đồng (tài chính, sức lao động...) và các nguồn hợp pháp khác cho phát triển du lịch nông thôn. Ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch tại khu vực nông thôn phù hợp với định hướng thị trường.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển du lịch nông thôn tại các địa bàn, môi trường khác nhau (rừng, khu bảo tồn thiên nhiên, biển đảo...) theo các quy định của pháp luật nhằm tạo ra nguồn thu ổn định từ hoạt động du lịch để đầu tư trở lại cho các công tác bảo vệ tài nguyên du lịch.

- Khuyến khích, kêu gọi các sáng kiến, ý tưởng, dự án, mô hình khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ gắn với du lịch nông thôn; các giải pháp kết nối thị trường, marketing hiệu quả cho du lịch nông thôn.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình này với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan, đặc biệt các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

c) Tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về du lịch nông thôn

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, kiến thức, hành động cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ; tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch; người dân, cộng đồng và khách du lịch về phát triển du lịch nông thôn bền vững trong xây dựng nông thôn mới.

- Đa dạng hóa và đổi mới hình thức, nội dung truyền thông du lịch nông thôn trên nền tảng công nghệ số thông qua các cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, bản tin, chuyên đề...; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức các lễ hội (đặc biệt là lễ hội văn hóa dân gian, lễ hội trái cây theo mùa và theo vùng miền), hoạt động kết nối du lịch các vùng, miền; truyền thông, quảng bá sản phẩm du lịch nông

thôn tại các hội chợ, triển lãm.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tổ chức các cuộc thi sáng tác ý tưởng liên quan tới du lịch nông thôn (tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm truyền thông, thiết kế sản phẩm hàng lưu niệm và quà tặng du lịch...).

- Tổ chức giải thưởng Du lịch nông thôn cấp quốc gia.

d) Bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao năng lực cho lao động du lịch nông thôn

- Rà soát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực du lịch nông thôn và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các hộ, cộng đồng kinh doanh du lịch nông thôn và các làng bản du lịch cộng đồng.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý du lịch, kiến thức thị trường, ngoại ngữ, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch ở các cấp, người lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch ở khu vực nông thôn.

- Đưa các nội dung bồi dưỡng, đào tạo về du lịch vào các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương và vùng; đưa các nội dung về tài nguyên du lịch vào tài liệu giáo dục địa phương sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình phục vụ một số dịch vụ du lịch cơ bản tại khu vực nông thôn.

- Tổ chức các lớp tập huấn, các khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng nghề và kỹ năng mềm phục vụ du lịch: cung cấp dịch vụ ăn uống (nấu ăn, pha chế...), lưu trú (làm buồng, phòng...), ngoại ngữ, văn hóa giao tiếp ứng xử, đón tiếp, thái độ phục vụ khách cho cộng đồng dân cư địa phương theo hướng chuyên nghiệp, lành nghề, thân thiện; kết hợp với nâng cao kiến thức lịch sử, văn hóa về điểm du lịch và học hỏi kinh nghiệm về phát triển mô hình du lịch nông thôn tại các địa phương trong và ngoài nước.

- Tổ chức mạng lưới chuyên gia du lịch, nông nghiệp và các ngành khác là doanh nhân, nghệ nhân, công nhân kỹ thuật tay nghề bậc cao tham gia hỗ trợ các hộ dân và cộng đồng khai thác và phát triển các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ... phục vụ cho hoạt động du lịch nông thôn.

d) Ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch nông thôn

- Lập bản đồ số các sản phẩm du lịch nông thôn, hỗ trợ kết nối sản phẩm du lịch nông thôn với các sản phẩm du lịch khác phục vụ cho việc xúc tiến du lịch nông thôn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất từ trung ương đến địa phương phục vụ cho việc quản lý, quảng bá và xúc tiến du lịch nông thôn.

- Xây dựng ngân hàng hình ảnh, số hóa các thông tin, tài liệu về các điểm du lịch nông thôn, tăng cường ứng dụng dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR) để từng bước hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch, tạo điều kiện cho khách du lịch trải nghiệm các hoạt động, dịch vụ du lịch nông thôn an toàn, thuận tiện và thân thiện.

- Xây dựng chuyên trang điện tử (website, triển lãm, hội chợ du lịch ảo, các sản phẩm truyền thông số...) về du lịch nông thôn gắn với giới thiệu, quảng bá điểm du lịch nông thôn; khai thác thế mạnh truyền thông trên các nền tảng xã hội.

e) Tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế về phát triển du lịch nông thôn

- Tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin và phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực liên quan nhằm triển khai hoạt động phát triển du lịch nông thôn đồng bộ và hiệu quả.

- Tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin với các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm tìm hiểu, trao đổi kinh nghiệm về quản lý và phát triển du lịch nông thôn (đặc biệt du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch có trách nhiệm, quản lý và thích ứng rủi ro...).

- Huy động sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực triển khai của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam cho các dự án, chương trình du lịch nông thôn gắn với cộng đồng, bảo vệ môi trường sinh thái; liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch nông thôn.

- Xây dựng mạng lưới đối tác du lịch nông thôn để phục vụ cho kết nối đầu tư, kết nối thông tin cung - cầu du lịch.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết với các tổ chức nước ngoài để xây dựng mô hình du lịch nông thôn phù hợp với điều kiện Việt Nam và yêu cầu của Chương trình.

- Tham gia các mạng lưới, diễn đàn về phát triển du lịch nông thôn ở cấp khu vực và quốc tế; thí điểm mạng lưới kết nối về du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm; giới thiệu và quảng bá các điểm đến du lịch nông thôn ở Việt Nam cho khách quốc tế.

6. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

a) Nguồn vốn thực hiện Chương trình bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp, cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong tổng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

b) Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp được giao hàng năm.

c) Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ ngành có liên quan:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các

địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo đúng tiến độ và quy định hiện hành; rà soát kỹ lưỡng nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo với nội dung, nhiệm vụ của các Chương trình chuyên đề và các chương trình, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ mạng lưới điểm du lịch nông thôn và triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực phụ trách có liên quan đến phát triển du lịch nông thôn.

- Xây dựng các sản phẩm nông nghiệp, các mô hình phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao gắn với phát triển du lịch.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; tập huấn, nâng cao năng lực cho người dân về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; tuyên truyền, quảng bá du lịch nông thôn thông qua các chương trình kết nối nông sản và Chương trình OCOP.

- Tổng hợp, lựa chọn, phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình đề xuất hỗ trợ từ ngân sách trung ương và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện gắn với các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình trong Kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn về cơ chế, định mức theo nội dung hỗ trợ của Chương trình trong Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

d) Theo dõi, giám sát, tổng hợp và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện Chương trình; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình nếu cần thiết; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ ngành có liên quan:

- Nghiên cứu, bổ sung nội dung phát triển du lịch nông thôn trong Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển sản phẩm du lịch nông thôn; thu hút khách, hỗ trợ các doanh nghiệp lữ hành đưa khách về vùng nông thôn... theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn về du lịch nông thôn gắn với công tác quản lý nhà nước về du lịch.

- Thực hiện chương trình khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển du lịch nông thôn, nguồn nhân lực du lịch nông thôn, chi tiêu của khách du lịch tại khu vực nông thôn.

b) Hướng dẫn các địa phương thực hiện hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khai thác, phát triển du lịch nông thôn; hướng dẫn thực hiện kế hoạch bảo tồn, phục dựng, khai thác các hoạt động văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch nông thôn; hướng dẫn thực hiện công nhận khu, điểm du lịch nông thôn; công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch nông thôn đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

c) Lồng ghép, tổ chức hoạt động xúc tiến, quảng bá các điểm đến, sản phẩm du lịch nông thôn trong và ngoài nước; triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, hợp tác quốc tế về phát triển du lịch nông thôn; tổ chức các chương trình khảo sát, kết nối sản phẩm du lịch nông thôn.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình trong kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Bộ Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Các bộ, ngành trung ương: Các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình gắn với lĩnh vực phụ trách của ngành.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Các địa phương có điều kiện phát triển du lịch nông thôn xây dựng đề án, chương trình hoặc kế hoạch phát triển du lịch nông thôn phù hợp với định hướng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và các quy hoạch liên quan; ưu tiên phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch nông thôn trong đề án, chương trình hoặc kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy các giá trị độc đáo của từng vùng miền, địa phương.

c) Triển khai thực hiện và bố trí nguồn vốn đối ứng từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và lồng ghép các nguồn vốn khác để hỗ trợ phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cho điểm du lịch nông thôn (theo đề án, chương trình hoặc kế hoạch phát triển du lịch nông thôn đã được phê duyệt).

d) Đề xuất, phê duyệt và triển khai mô hình thí điểm thuộc Chương trình hỗ trợ từ ngân sách trung ương; hỗ trợ kinh phí, phê duyệt và triển khai các mô hình phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

đ) Triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho lao động du lịch nông thôn; tăng cường quảng bá, giới thiệu các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn.

e) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai Chương trình trên địa bàn, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo về tình hình phát triển du lịch nông thôn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thành viên BCĐ các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- VPĐP NTM Trung ương (Bộ NN&PTNT);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục: TH, KTTH, KGVX, TCCV, CN, NC, QHĐP, PL, KSTT, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Phạm Bình Minh

Tác phẩm: Ngang qua công
làng cổ Đường Lâm
Tác giả: Hoàng Văn Dương



HANOI

DU LỊCH NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN

Tác phẩm: Trang trại sinh thái

Ảnh: Báo Lao động

Tác giả: Chí Long



Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (tên tiếng Anh là One Commune One Product - OCOP, gọi tắt là Chương trình OCOP), như sau:

1. Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí OCOP) là căn cứ để đánh giá, phân hạng sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

a) Các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, gồm 06 nhóm sản phẩm: Thực phẩm; đồ uống; dược liệu và sản phẩm từ dược liệu; hàng thủ công mỹ nghệ; sinh vật cảnh; và dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch (Danh mục phân loại sản phẩm tại Phụ lục I).

b) Bộ tiêu chí của sản phẩm gồm 03 phần:

- Phần A: Các tiêu chí đánh giá về sản phẩm và sức mạnh cộng đồng (40 điểm), gồm: Tổ chức sản xuất; phát triển sản phẩm; sức mạnh cộng đồng.

- Phần B: Các tiêu chí đánh giá về khả năng tiếp thị (25 điểm), gồm: Tiếp thị; câu chuyện về sản phẩm.

- Phần C: Các tiêu chí đánh giá về chất lượng sản phẩm (35 điểm), gồm: Chi tiêu cảm quan, dinh dưỡng, tính độc đáo của sản phẩm; tiêu chuẩn sản phẩm; khả năng xuất khẩu, phân phối tại thị trường quốc tế.

(Tiêu chí từng nhóm, phân nhóm sản phẩm tại Phụ lục III).

2. Phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm theo Bộ tiêu chí OCOP. Tổng điểm đánh giá cho mỗi sản phẩm tối đa là 100 điểm và được phân thành 05 hạng:

a) Hạng 5 sao: Tổng điểm trung bình đạt từ 90 đến 100 điểm, là sản phẩm đặc trưng, tiêu chuẩn chất lượng cao và hội tụ điều kiện để xuất khẩu.

b) Hạng 4 sao: Tổng điểm trung bình đạt từ 70 đến dưới 90 điểm, là sản phẩm đặc trưng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tiếp cận thị trường tốt, có tiềm năng nâng cấp lên hạng 5 sao.

c) Hạng 3 sao: Tổng điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 70 điểm, là sản phẩm có đặc thù, được quản lý và thương mại ổn định, có thể nâng cấp lên hạng 4 sao.

d) Hạng 2 sao: Tổng điểm trung bình đạt từ 30 đến dưới 50 điểm, sản phẩm được sản xuất, bước đầu hình thành chất lượng cụ thể, có thể tiếp tục nâng cấp để nâng lên hạng 3 sao.

đ) Hạng 1 sao: Tổng điểm trung bình đạt dưới 30 điểm, là sản phẩm sơ khai, chưa được hình thành trong thương mại, có thể nâng cấp lên hạng 2 sao.

3. Quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP:

a) Công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được chia làm 03 cấp: cấp huyện, cấp tỉnh và cấp trung ương.

b) Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao có giá trị trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành.

(Chi tiết Quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm tại Phụ lục II).

Điều 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ vào điều kiện thực tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Đối với các sản phẩm đã được đánh giá, công nhận theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 trước ngày Quyết định này có hiệu lực, được bảo lưu trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được công nhận.

Đối với các sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đánh giá đạt tiềm năng 5 sao, có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP 5 sao trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiếp tục áp dụng Bộ tiêu chí theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg .

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Trần Lưu Quang

PHỤ LỤC I

DANH MỤC PHÂN LOẠI SẢN PHẨM TRÌNH THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM - OCOP

(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	PHÂN LOẠI SẢN PHẨM	BỘ CHỦ TRÌ QUẢN LÝ ¹
I	SẢN PHẨM THỰC PHẨM	
1	Nhóm: Thực phẩm tươi sống	
a	Phân nhóm: Rau, củ, quả, hạt tươi	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Phân nhóm: Thịt, thủy sản, trứng, sữa tươi	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Nhóm: Thực phẩm thô, sơ chế	
a	Phân nhóm: Gạo, ngũ cốc, hạt sơ chế khác	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Phân nhóm: Mật ong, mật khác và nông sản thực phẩm khác	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Nhóm: Thực phẩm chế biến	
a	Phân nhóm: Đồ ăn nhanh	Công Thương
b	Phân nhóm: Chế biến từ gạo, ngũ cốc	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương
c	Phân nhóm: Chế biến từ rau, củ, quả, hạt	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
d	Phân nhóm: Chế biến từ thịt, trứng, sữa, thủy sản, các sản phẩm từ mật ong, mật khác và nông sản thực phẩm khác	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương
4	Nhóm: Gia vị	
a	Phân nhóm: Tương, nước mắm, gia vị dạng lỏng khác	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Phân nhóm: Gia vị khác	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Nhóm: Chè	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
a	Phân nhóm: Chè tươi, chế biến	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Phân nhóm: Sản phẩm trà từ thực vật khác	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	PHÂN LOẠI SẢN PHẨM	BỘ CHỦ TRÌ QUẢN LÝ ¹
II SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG		
1 Nhóm: Đồ uống có cồn		
a	Phân nhóm: Rượu trắng	Công Thương
b	Phân nhóm: Đồ uống có cồn khác	Công Thương
2 Nhóm: Đồ uống không cồn		
a	Phân nhóm: Nước khoáng thiên nhiên, nước uống tinh khiết	Y tế
b	Phân nhóm: Đồ uống không cồn	Công Thương
III SẢN PHẨM DƯỢC LIỆU VÀ SẢN PHẨM TỪ DƯỢC LIỆU		
1	Nhóm: Thực phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc Y học cổ truyền	Y tế
2	Nhóm: Mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược	Y tế
3	Nhóm: Tinh dầu và thảo dược khác	Y tế
IV SẢN PHẨM THỦ CÔNG MỸ NGHỆ		
1	Nhóm: Thủ công mỹ nghệ gia dụng, trang trí	Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Nhóm: Vải, may mặc	Công Thương
V SẢN PHẨM SINH VẬT CẢNH		
1	Nhóm: Hoa	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Nhóm: Cây cảnh	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Nhóm: Động vật cảnh	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VI SẢN PHẨM DỊCH VỤ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG, DU LỊCH SINH THÁI VÀ ĐIỂM DU LỊCH		
1	Nhóm: Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Ảnh tư liệu

26. Bộ sản phẩm: Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch

(Sản phẩm: Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch)

Tên sản phẩm:

Mã số sản phẩm.(T).-.(H).-.(STT).-20.....

T: Mã tỉnh-H: Mã huyện- STT: Số thứ tự sản phẩm do huyện lập thống kê - Năm đánh giá.

Mã đơn vị hành chính theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004.

Tên chủ thể sản xuất:

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:

Hồ sơ bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc ghi nhãn sản phẩm không đúng theo quy định; hoặc không đáp ứng quy định Hồ sơ dự thi theo quy định

CÁC TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM (điểm)
PHẦN A - SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG (40 Điểm)	40
1. TỔ CHỨC DỊCH VỤ CỘNG ĐỒNG	15
a) Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ	3
- Có Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ	1
- Có Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ, có kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch quản lý, điều hành	3
b) Cơ chế quản lý/quy định	6
Có cơ chế/quy định quản lý hoạt động dịch vụ	2
Có cơ chế quản lý/quy định quản lý hoạt động dịch vụ được phân nhiệm rõ ràng	4
Có cơ chế quản lý/quy định quản lý hoạt động dịch vụ được phân nhiệm rõ ràng trên cơ sở người dân địa phương tham gia quản lý và vận hành và hưởng lợi (trực tiếp/gián tiếp)	6
c) Bảo vệ môi trường trong cộng đồng làm du lịch/điểm du lịch	4
Có giải pháp cụ thể về bảo vệ môi trường (thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt...)	1
Có giải pháp cụ thể và trang bị hạ tầng kỹ thuật chung về bảo vệ môi trường	2
Có giải pháp cụ thể và có trang bị hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường và triển khai mô hình cộng đồng tự quản về môi trường	3
Có giải pháp cụ thể và có trang bị hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường và triển khai mô hình cộng đồng tự quản về môi trường, đạt chuẩn tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới hoặc có đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành	4
d) Sử dụng năng lượng tiết kiệm	2
Có giải pháp tiết kiệm năng lượng (bảng hoạt động cụ thể)	1
Có giải pháp tiết kiệm, thu hồi năng lượng, tái sử dụng năng lượng, nguyên liệu tại địa phương và sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường	2

CÁC TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM (điểm)
PHẦN A - SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG (40 Điểm)	40
2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM	12
a) Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm dịch vụ du lịch	5
Phát triển dựa trên sản phẩm của nơi khác, có dựa trên lợi thế và đặc trưng của địa phương	1
Phát triển dựa trên ý tưởng của mình, không trùng lặp với các sản phẩm du lịch khác	3
Có tính độc đáo, khác biệt và có gắn kết các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương vào sản phẩm du lịch	5
b) Tổ chức dịch vụ theo thị trường mục tiêu	2
Có kế hoạch phát triển thị trường mục tiêu	1
Có kế hoạch và có các sản phẩm dịch vụ du lịch phù hợp với thị trường mục tiêu	2
c) Bảo vệ, bảo tồn các di sản văn hóa, thiên nhiên, đa dạng sinh học liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch	5
Có hoạt động bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa/thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học	1
Có Chương trình/kế hoạch chung của cộng đồng, có hoạt động bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa/thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học	3
Có Chương trình/kế hoạch chung của cộng đồng, cả cộng đồng đều có hoạt động bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa/thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học	5
3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG	13
a) Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh	3
Hộ gia đình, trang trại có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác Công ty TNHH 1 thành viên, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	1
Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương < 51%	2
HTX tổ chức, hoạt động theo Luật HTX hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương ≥ 51%, Trung tâm điều hành	3

CÁC TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM (điểm)
PHẦN A - SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG (40 Điểm)	40
b) Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số	1
Đại diện pháp luật của chủ thể không phải nữ/đồng bào dân tộc thiểu số	0
Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số	1
c) Sử dụng lao động địa phương	3
Có sử dụng từ 50% đến 75% lao động là người trên địa bàn cấp huyện	1
Có sử dụng \geq 75% lao động là người trên địa bàn cấp huyện	3
d) Tăng trưởng sản xuất kinh doanh	3
Hợp tác xã xếp loại trung bình, các loại hình khác có lợi nhuận tăng trưởng dương so với năm trước liền kề	1
Hợp tác xã xếp loại khá, các loại hình khác có 2 năm liên tiếp tăng trưởng dương về lợi nhuận****	3
đ) Kế toán	1
Không có hoạt động kế toán theo quy định	0
Có tổ chức công tác kế toán theo quy định	1
e) Sở hữu trí tuệ****	2
Nhãn hiệu sử dụng của chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký	1
Nhãn hiệu sử dụng của chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký; và sản phẩm có sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý gắn với cộng đồng địa phương (đối với những sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể thì bắt buộc phải sử dụng)	2
PHẦN B - KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)	25
4. TIẾP THỊ	17
a) Liên kết chuỗi giá trị trong quảng bá sản phẩm du lịch	5
Có đại diện/đại lý quảng bá sản phẩm	1
Có \geq 3 đại diện/đại lý quảng bá sản phẩm trong và ngoài tỉnh	3
Có \geq 5 đại diện/đại lý quảng bá sản phẩm trong và ngoài tỉnh	5

CÁC TIÊU CHÍ**THANG ĐIỂM**
(điểm)**PHẦN B - KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)****25****b) Liên kết vùng và chuỗi giá trị trong sản phẩm dịch vụ du lịch****3**

Có liên kết với các điểm dịch vụ du lịch khác trong tỉnh để hình thành tours sản phẩm du lịch

1

Có liên kết với các điểm dịch vụ du lịch khác trong và ngoài tỉnh để hình thành tours sản phẩm du lịch

2

Có liên kết với các điểm dịch vụ du lịch khác trong, ngoài tỉnh và quốc tế để hình thành tours sản phẩm du lịch

3

c) Tổ chức quảng bá, bán hàng**2**

(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối sản phẩm)

Có người chịu trách nhiệm quản lý quảng bá, bán hàng

1

Có bộ phận/phòng quản lý quảng bá, bán hàng, có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý/bán hàng

2

d) Quảng bá sản phẩm**4**

Có nhiều hoạt động quảng bá, có trang thông tin điện tử (website) giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch

1

Có nhiều hoạt động quảng bá, có trang thông tin điện tử (website) giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch, có sử dụng đặt hàng trực tuyến (online)

2

Có nhiều hoạt động quảng bá, có trang thông tin điện tử (website) giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch, có sử dụng đặt hàng trực tuyến (online) trong nước và quốc tế uy tín (Booking, Agoda, NPB, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...)

3

Có nhiều hoạt động quảng bá quốc tế, có trang thông tin điện tử (website) bằng tiếng nước ngoài giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch, có sử dụng đặt hàng trực tuyến (online) trong nước và quốc tế uy tín (Booking, Agoda, NPB, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...) có hoạt động quảng bá quốc tế

4

đ) Bộ nhận diện quảng bá sản phẩm**3**

Có tờ rơi quảng bá về dịch vụ du lịch

1

Có phim ngắn (video clip), tranh ảnh áp-phích (poster), tờ rơi quảng bá về dịch vụ du lịch

2

Có phim ngắn (video clip), tranh ảnh áp-phích (poster), tờ rơi quảng bá về dịch vụ du lịch được thể hiện bằng tiếng Việt và ít nhất 01 tiếng nước ngoài phù hợp.

3

CÁC TIÊU CHÍ**THANG ĐIỂM**
(điểm)**PHẦN B - KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)****25****5. CÂU CHUYỆN SẢN PHẨM****8****a) Câu chuyện về sản phẩm****4**

Có Cẩm nang/câu chuyện liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch

1

Có Cẩm nang hoặc câu chuyện liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch có tính riêng, đặc sắc, thể hiện trí tuệ bản sắc địa phương

2

Có Cẩm nang hoặc câu chuyện liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch có tính riêng, đặc sắc, thể hiện trí tuệ bản sắc địa phương và được thể hiện bằng tiếng nước ngoài phù hợp

4

b) Trình bày câu chuyện sản phẩm**2**

Cẩm nang/câu chuyện được tư liệu hóa và trình bày tại điểm cung cấp dịch vụ du lịch

1

Cẩm nang/câu chuyện được tư liệu hóa và trình bày tại điểm du lịch trong và ngoài tỉnh

2

c) Sản phẩm dịch vụ du lịch trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới**2**

Cộng đồng du lịch/Điểm du lịch trên địa bàn xã hoặc thôn, bản, ấp chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc không thuộc khu vực nông thôn

1

Cộng đồng du lịch/Điểm du lịch trên địa bàn xã hoặc thôn, bản, ấp đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới

2

PHẦN C - CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (35 Điểm)**35****6. VỊ TRÍ****3**

Thuận lợi, dễ tiếp cận

1

Thuận lợi, dễ tiếp cận, liền kề khu vực có lợi thế phát triển du lịch

2

Thuận lợi, dễ tiếp cận, liền kề và có tính liên kết với khu vực/địa điểm có lợi thế phát triển du lịch khác.

3

7. KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG**3**

Cảnh quan môi trường sạch đẹp

1

Cảnh quan môi trường sạch đẹp, kiến trúc mang đặc trưng vùng miền, có tính dân tộc

2

Cảnh quan môi trường sạch đẹp, kiến trúc mang đặc trưng vùng miền, có tính dân tộc; xã/thôn đạt tiêu chí sáng - xanh - sạch đẹp trong xây dựng nông thôn mới

3

CÁC TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM (điểm)
PHẦN C - CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (35 Điểm)	35
8. CHẤT LƯỢNG VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ	3
Lựa chọn một trong hai trường hợp sau:	
a. Trường hợp 1: Cộng đồng dịch vụ du lịch	
Dưới 50% cơ sở dịch vụ được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (dịch vụ lưu trú, vận chuyển,...)	1
Có từ 50% đến dưới 75% cơ sở dịch vụ được chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ...)	2
Có trên 75% cơ sở dịch vụ được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (dịch vụ lưu trú, vận chuyển,...)	3
b. Trường hợp 2: Điểm dịch vụ du lịch	
Có đăng ký kinh doanh dịch vụ du lịch	1
Có đăng ký kinh doanh và đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh	2
Có đăng ký kinh doanh, đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh và được công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	3
9. CHẤT LƯỢNG AN TOÀN VÀ AN NINH TRẬT TỰ	2
Lựa chọn một trong hai trường hợp sau:	
a. Trường hợp 1: Cộng đồng dịch vụ du lịch	
Có ít nhất 75% số cơ sở kinh doanh dịch vụ đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật	1
Có 100% số cơ sở kinh doanh dịch vụ đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật	2
b. Trường hợp 2: Điểm dịch vụ du lịch	
Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật	1
Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và có thực hiện hướng dẫn, tập huấn thường xuyên/định kỳ cho nhân viên	2

CÁC TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM (điểm)
PHẦN C - CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (35 Điểm)	35
10. TÍNH HOÀN THIỆN CỦA QUÁ TRÌNH DỊCH VỤ	3
Có điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống địa phương	1
Có điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống và sản phẩm OCOP của địa phương, có tài liệu giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ.	2
Có điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống và sản phẩm OCOP của địa phương, có tài liệu giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ, địa điểm bán có hạ tầng (bãi đỗ, nhà vệ sinh, khu giới thiệu về dịch vụ) được bố trí hài hòa.	3
11. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM	2
Có hoạt động trải nghiệm	1
Có mô hình hoạt động trải nghiệm	2
12. QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN	3
Có dưới 50% lao động tham gia quản lý và nhân viên đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ	1
Có từ 50 - 75% lao động tham gia quản lý và nhân viên đã qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ	2
Trên 75% lao động tham gia quản lý và nhân viên đã qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; có nhân viên tiếp đón thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ	3
13. CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ DU LỊCH	4
Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn	1
Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn, an toàn, chất lượng cao	2
Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn, an toàn, chất lượng cao và được du khách đánh giá cao qua phiếu đánh giá, bình chọn của khách hàng trên các trang điện tử dịch vụ lữ hành, du lịch uy tín (Booking, Agoda, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...).	3
Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn, an toàn, chất lượng cao, mang đặc sắc vùng miền và được du khách đánh giá cao qua phiếu đánh giá, bình chọn của khách hàng trên các trang điện tử dịch vụ lữ hành, du lịch uy tín (Booking, Agoda, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...).	4

CÁC TIÊU CHÍ**THANG ĐIỂM**
(điểm)**14. CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ****4**

Thái độ phục vụ thân thiện, nhanh nhẹn, chu đáo

1

Thái độ phục vụ thân thiện, nhanh nhẹn, chu đáo, được du khách đánh giá cao

2

Thái độ phục vụ thân thiện, nhanh nhẹn, chu đáo, được du khách đánh giá cao qua phiếu đánh giá, bình chọn của khách hàng trên các trang điện tử dịch vụ lữ hành, du lịch uy tín (Booking, Agoda, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...).

4

15. TIỆN NGHI**3**

Lựa chọn một trong hai trường hợp sau:

a. Trường hợp 1: Cộng đồng dịch vụ du lịch

Hạ tầng giao thông nội bộ thuận tiện, điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ

1

Hạ tầng giao thông nội bộ thuận tiện, điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ, xã/thôn có các tiêu chí (giao thông, điện, nước, vệ sinh môi trường, vệ sinh ATTP) đạt chuẩn nông thôn mới.

3

b. Trường hợp 2: Điểm dịch vụ du lịch

Có hệ thống điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ

1

Có hệ thống điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ, đảm bảo chất lượng và khách đánh giá cao.

3

16. HOẠT ĐỘNG THU HÚT KHÁCH DU LỊCH**3**

Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch

1

Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch và mang tính cộng đồng ít nhất 2 lần/năm

2

Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch và mang tính cộng đồng, đặc sắc văn hóa dân tộc, vùng miền ít nhất 2 lần/năm

3

17. HÀNG HÓA DỊCH VỤ (ĂN UỐNG, ĐỒ LƯU NIỆM...)**2**

Hàng hóa dịch vụ có nguồn gốc rõ ràng, có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp mang tính đặc sản địa phương

1

CÁC TIÊU CHÍ**THANG ĐIỂM**
(điểm)

Hàng hóa dịch vụ có nguồn gốc rõ ràng, có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp mang tính đặc sản địa phương, và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, có sản phẩm OCOP được bày, bán 2

Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch và mang tính cộng đồng, đặc sắc văn hóa dân tộc, vùng miền ít nhất 2 lần/năm 3

TỔNG CỘNG**100****Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đánh giá*(Ký và ghi rõ họ tên)*

HANOI

DU LỊCH NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN

Tác phẩm: Nghề làm trà sen ở Tây Hồ

Tác giả: Phan Huy Thiệp



Số: 08/2023/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách; báo cáo giải trình số 226/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Quy định tại Nghị quyết này.

b) Chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ; ban hành hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân xong trước ngày 31/12/2023; xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp trên địa bàn Thành phố; thống nhất về cách thức tổ chức thực hiện từ khâu lập và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, việc lập dự toán, quyết toán kinh phí hàng năm khi triển khai các chính sách.

c) Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

đ) Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc khi có yêu cầu của Thường trực HĐND Thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội. Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp đang thực hiện theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thì được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc chương trình, kế hoạch, đề án, dự án. Trong giai đoạn từ năm 2019 đến hết năm 2023, các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ của ngân sách nhà nước trùng với chính sách hỗ trợ theo Quy định tại Nghị quyết này thì không xem xét hỗ trợ./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, NN và PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQTP;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng của Thành ủy;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐNDTP, VP UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- TT Báo chí Thủ đô, Công báo TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tuấn

QUY ĐỊNH

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trung tâm dịch vụ (gọi chung là tổ chức); hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cá nhân) trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Đối với máy móc, thiết bị được hỗ trợ phải là máy móc, thiết bị mới, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở đã công bố hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (nếu có).
2. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ, các cam kết (nếu có) theo Quy định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định của pháp luật có liên quan. Các cơ quan quyết định hỗ trợ quy định chế tài xử lý trong trường hợp các tổ chức, cá nhân vi phạm cam kết (nếu có).
3. Ngoài các nội dung chính sách được quy định theo Nghị quyết này, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:
 - a) Đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao tập huấn theo kế hoạch, dự toán hàng năm.
 - b) Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật tham gia giảng dạy; cán bộ quản lý lớp tập huấn.

c) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình sản xuất, chế biến, bảo quản, liên kết chuỗi sản phẩm nông nghiệp. Mỗi học viên được hỗ trợ tham gia 01 lần/01 nội dung tập huấn.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp tập huấn; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện đi thực tế, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp tập huấn; vật tư thực hành (nếu có): Mức chi theo đơn giá, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hợp đồng thực tế.

b) Chi bồi dưỡng giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

Giảng viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh, thành phố trả tiền công giảng dạy mức 1.200.000 đồng/buổi.

Giảng viên có trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc tương đương trả tiền công giảng dạy mức 1.000.000 đồng/buổi.

Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công giảng dạy, mức 600.000 đồng/buổi.

c) Chi hỗ trợ cho học viên:

Hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/ngày/học viên.

Hỗ trợ tiền đi lại đối với học viên học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo mức 150.000 đồng/học viên/lớp tập huấn.

d) Thời gian tập huấn: Tối đa không quá 03 ngày/lớp. Đối với các lớp tập huấn đã quy định trong chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Nội dung và thời gian thực hiện theo Chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Huyện, cấp Thành phố.

Điều 5. Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

1. Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

a) Hỗ trợ tín dụng

Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn Thành phố, đáp ứng các điều kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

b) Hỗ trợ theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp

Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát

triển sản xuất trong chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Nội dung và mức hỗ trợ: Áp dụng nội dung và mức hỗ trợ cao nhất theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này).

Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

2. Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản để sản xuất giống trên địa bàn Thành phố đáp ứng các điều kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thủy sản.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu giống bò thuần chủng, giống lợn cụ kỵ, ông bà năng suất chất lượng cao tối đa không quá 5 tỷ đồng/ doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu giống gốc thủy sản thuần chủng, giống thủy sản bố mẹ tối đa không quá 1 tỷ đồng/ doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

Điều 6. Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản theo quy hoạch đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

a) Đối với hỗ trợ lãi suất: Các tổ chức, cá nhân xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp.

b) Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Các tổ chức, cá nhân có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp trong “Mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội”, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Có sản lượng giết mổ thực tế đạt tối thiểu: 2.000 con lợn/tháng hoặc 10.000 con gia cầm/tháng hoặc 500 con trâu, bò/tháng.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối với hỗ trợ lãi suất: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

b) Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Các tổ chức, cá nhân có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp không được hỗ trợ lãi suất thì được hỗ trợ chi phí giết mổ tính trên đầu con gia súc, gia cầm trong thời hạn 3 năm (36 tháng): Mức hỗ trợ đối với giết mổ công nghiệp 25.000 đồng/con lợn, 80.000 đồng/con trâu, bò, 1.100 đồng/con gia cầm; đối với giết mổ bán công nghiệp 20.000 đồng/con lợn, 75.000 đồng/con trâu, bò, 1.000 đồng/con gia cầm.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

Điều 8. Chính sách thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

1. Hỗ trợ tín dụng

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi mua các loại máy móc, thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất và chế biến trong nông nghiệp bao gồm: Máy làm đất; máy gieo cấy; máy gặt đập liên hợp; máy sấy; máy làm lạnh nhanh; máy nghiền; máy phun thuốc có động cơ; thiết bị bay không người lái, hệ thống tưới tiết kiệm; máy phát điện chạy bằng khí sinh học; máy vắt sữa; máy thái cỏ; hệ thống làm mát chuồng trại; hệ thống cho ăn tự động; thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường; thiết bị tạo oxy trong nuôi trồng thủy sản.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: 100% phí quản lý khi vay vốn Quỹ khuyến nông Thành phố, 100% lãi suất vay theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thời hạn vay tối đa là 03 năm (36 tháng), tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

2. Hỗ trợ mua máy cấy phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức không nhận hỗ trợ theo Khoản 1 Điều này khi mua máy cấy, trực tiếp phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa. Cam kết sử dụng máy móc trong thời gian 3 năm (36 tháng), nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước.

b) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí cho tổ chức để đầu tư mới máy cấy. Kinh phí hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/máy cấy. Tối đa 10 máy cấy/tổ chức.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp huyện (Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách).

3. Hỗ trợ kinh phí cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi cấy lúa bằng máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái.

b) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 50% kinh phí cấy lúa bằng máy (công cấy), tối đa không quá 2 triệu đồng/ha, thời gian hỗ trợ tối đa không quá 2 vụ sản xuất liên tiếp/điện tích.

Hỗ trợ 50% kinh phí phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái (công phun), tối đa không quá 250 nghìn đồng/ha/lần phun, hỗ trợ tối đa không quá 2 lần/vụ và không quá 4 lần/điện tích.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp huyện (Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách).

Điều 9. Chính sách chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản

1. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sử dụng các giống vật nuôi đáp ứng các tiêu

chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để thay thế các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, nằm trong chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán thực hiện hàng năm.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các chi phí thụ tinh nhân tạo (gồm: Liều tinh, Nitơ, dụng cụ phối giống, công phối giống) trên địa bàn Thành phố khi phối giống bằng tinh bò sữa, bò thịt chất lượng cao, tinh lợn giống cao sản.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

2. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thủy sản tại vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sản xuất trong vùng nông nghiệp chuyên canh tập trung, sử dụng các giống cây trồng, thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thay thế các giống cây trồng, thủy sản có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thủy sản theo quy hoạch, nằm trong chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán thực hiện hàng năm.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ về giống: Được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống cây trồng, thủy sản lần đầu. Riêng giống hoa lan nuôi cấy mô, hoa lily hỗ trợ một lần 20% chi phí mua giống lần đầu.

Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng: Hỗ trợ 50% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai. Hỗ trợ 70% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất trồng trọt an toàn.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp huyện.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đáp ứng đúng đối tượng và điều kiện quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (gọi tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

b) Cam kết và có biện pháp nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất).

c) Tổ chức, cá nhân chỉ được hưởng hỗ trợ theo 01 kế hoạch liên kết.

d) Tổ chức, cá nhân đã được hưởng các nội dung hỗ trợ của ngân sách nhà nước trùng với nội dung hỗ trợ tại Điều này thì không được tiếp tục xem xét hỗ trợ, trừ trường hợp nội dung hỗ trợ được tính theo số chu kỳ sản xuất thì căn cứ số chu kỳ sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch liên kết trừ đi số chu kỳ đã được hỗ trợ.

đ) Đối với các đối tượng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thì thực hiện theo quy định riêng.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, gồm:

Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện đề tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 Quy định này.

Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Quy định này.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường thực hiện theo Điều 4 Quy định này.

c) Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất, cụ thể:

Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các đối tượng tham gia chuỗi ở địa bàn miền núi.

Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác cho các đối tượng tham gia chuỗi ở địa bàn đồng bằng.

d) Mức hỗ trợ tối đa đối với 01 kế hoạch liên kết không vượt quá 50% tổng kinh phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết.

3. Phương thức hỗ trợ:

Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách để thực hiện kế hoạch liên kết theo phân cấp thông qua đơn vị chủ trì liên kết từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân có dự án hoặc phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi vay vốn của các tổ chức tín dụng.

Các công nghệ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp thuộc Danh mục công nghệ cao theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển hoặc văn bản thay thế của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm hỗ trợ.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Ngân sách cấp huyện (Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách).

Điều 12. Chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố sau khi được cấp Giấy chứng nhận cấp mã số vùng trồng theo quy định.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ chi phí tư vấn cho cấp mã số vùng trồng lần đầu để lập giấy đăng ký cấp mã số vùng trồng, hướng dẫn ghi chép, lưu trữ hồ sơ về truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng. Mức hỗ trợ 100% chi phí theo hợp đồng tư vấn nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/mã số, trong đó chi tiền thuê chuyên gia thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội.

Hỗ trợ chi phí phân tích điều kiện sản xuất (đất trồng và nước tưới) cho cấp mã số vùng trồng lần đầu đối với các cơ sở chưa được cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy chứng nhận tương đương. Mức hỗ trợ 100% chi phí theo thực tế nhưng tối đa không quá 7,5 triệu đồng/mã số.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

Điều 13. Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị để chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát và điều khiển dinh dưỡng tự động; thiết bị cảm biến; thiết bị quan trắc môi trường; mua camera, đường truyền, phần mềm để sản xuất nông nghiệp.

Các tổ chức, cá nhân phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị trong thời gian 5 năm, nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát và điều khiển dinh dưỡng tự động; thiết bị cảm biến; thiết bị quan trắc môi trường; mua camera, đường truyền, phần mềm để vận hành hệ thống. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/cơ sở. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Ngân sách cấp huyện (Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách).

Điều 14. Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

a) Đối với trồng trọt:

Đối với hỗ trợ chế phẩm sinh học: Các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, rơm rạ theo quy định hiện hành.

Đối với hỗ trợ thùng lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Các tổ chức, cá nhân sản xuất trong vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung chưa có thùng (bể) lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Đối với chăn nuôi:

Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi theo quy hoạch tại địa điểm được phép chăn nuôi theo Luật Chăn

nuôi và quy định của Thành phố.

Đáp ứng các điều kiện về chăn nuôi trang trại quy mô lớn, vừa và nhỏ theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

c) Đối với thủy sản: Các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trong vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối với trồng trọt:

Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học để xử lý phụ phẩm cây trồng, rơm rạ làm phân bón và thức ăn chăn nuôi tối đa không quá 1,2 triệu đồng/ha. Hỗ trợ tối đa 02 lần/năm và trong 02 năm liên tiếp.

Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (02 thùng/ha); hỗ trợ 100% chi phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tối đa không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân. Hỗ trợ tối đa 02 chu kỳ nuôi đối với lợn, gia cầm; 01 chu kỳ nuôi đối với trâu, bò.

c) Đối với thủy sản:

Hỗ trợ 50% kinh phí mua sản phẩm xử lý môi trường nước trong nuôi thủy sản tối đa không quá 15 triệu đồng/ha. Hỗ trợ tối đa 02 năm liên tiếp.

Hỗ trợ 01 lần 50% kinh phí mua thiết bị làm giàu oxy xử lý môi trường nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Ngân sách cấp huyện (Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách).

Điều 15. Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm đúng với quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý đất đai và các quy định pháp luật liên quan; phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Có phương án thiết kế, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch, trải nghiệm được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

c) Có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể và cam kết sản xuất nông nghiệp theo quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc tương đương; cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường.

d) Quy mô: Tối thiểu 02 ha/mô hình.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% tư vấn thiết kế xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo khoản b Điều 10 tại Quy định này.

- b) Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn cho các đối tượng tham gia thực hiện mô hình về sản xuất nông nghiệp, nghiệp vụ hoạt động du lịch. Mức hỗ trợ theo Điều 4 của Quy định này.
- c) Hỗ trợ máy móc, thiết bị chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy định này.
- d) Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm.
- đ) Tổng mức hỗ trợ 01 mô hình tối đa không quá 3 tỷ đồng.
3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kế hoạch, phương án hỗ trợ

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện chính sách: Tổ chức rà soát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thuộc đối tượng áp dụng đáp ứng đủ điều kiện, xây dựng kế hoạch hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Căn cứ kế hoạch được duyệt cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện hỗ trợ theo quy định.

Điều 17. Phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Cơ quan được giao thực hiện hỗ trợ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.
2. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy định này để được nhận hỗ trợ./.

PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT GIỐNG PHỤC VỤ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

- a) Ngân sách Thành phố đảm bảo tối đa 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện.

Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện.

Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê

chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống.

Kiểm soát chất lượng giống.

Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

b) Ngân sách Thành phố hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

Đối với lĩnh vực trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.

Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.

Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô.

Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác

a) Việc lựa chọn các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác tại địa phương để hỗ trợ theo chính sách này do Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể xem xét, quyết định.

b) Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ bằng 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại mục 1 Phụ lục này.

PHỤ LỤC 02

CHI KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ CÁC HỘ CÓ NHU CẦU, ĐIỀU KIỆN ĐỂ THAM GIA KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI
1	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND Thành phố về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, điều tra	
3	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công cho người dẫn đường	
4	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	
a)	Đối với cá nhân	
-	Dưới 30 chi tiêu hoặc 30 chi tiêu	
-		

STT	NỘI DUNG	MỨC CHỈ
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND Thành phố về nội dung và mức chỉ của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm
-	Trên 40 chỉ tiêu	
b)	Đối với tổ chức (Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)	
-	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
c)	Đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan, đơn vị của nhà nước	
5	Chi vận chuyển tài liệu khảo sát, điều tra, thuê xe phục vụ khảo sát điều tra	
1.6.	Chi xử lý kết quả khảo sát điều tra	
1.7.	Các khoản chi khác liên quan đến khảo sát, điều tra (Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát điều tra)	

PHỤ LỤC 03

CHI NGHIÊN CỨU, LẬP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	CHỨC DANH/NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	HỆ SỐ LAO ĐỘNG
Hệ số công lao động của các chức danh xây dựng nhiệm vụ kế hoạch liên kết			
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người	Thực hiện theo Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính về một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
2	Thư ký	Người	
3	Thành viên chính	Người	
4	Thành viên	Người	
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người	

HANOI

DU LỊCH NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN

Tác phẩm: Hái hoa Cúc Chi

Tác giả: Đỗ Bích Hải



KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/9/2020 của UBND Thành phố thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy và Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn dựa trên cơ sở phát huy giá trị văn hoá truyền thống, môi trường cảnh quan của khu vực nông thôn Hà Nội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Tăng cường thu hút các nguồn lực xã hội, nhất là từ khu vực tư nhân, sự tham gia tích cực từ cộng đồng địa phương cho đầu tư phát triển du lịch nông thôn tại Hà Nội để xây dựng, phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ về lĩnh vực du lịch có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp trong việc xây dựng, phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bám sát nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội, Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND Thành phố và phù hợp với điều kiện thực tế để xác định các nội dung, công việc trọng tâm nhằm triển khai thực hiện một cách hiệu quả và đảm bảo tiến độ.

- Khai thác, làm nổi bật những đặc trưng riêng có về du lịch nông nghiệp, nông thôn trong định hướng phát triển du lịch Thủ đô và cả nước.

- Kế hoạch được triển khai trên cơ sở phát huy tối đa sự tham gia của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh doanh du lịch, do cộng đồng bản địa quản lý, khai thác và hưởng lợi dưới sự hướng dẫn về chuyên môn của các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền các cấp, chuyên gia và đơn vị tư vấn; phải gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử văn hóa truyền thống, môi trường tự nhiên và phải dựa trên các sản phẩm du lịch (vật thể và phi vật thể) để tạo ra giá trị kinh tế gia tăng.

- Việc xây dựng Kế hoạch phải gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng thương mại, dịch vụ; tăng tỷ trọng đóng góp của dịch vụ du lịch vào kinh tế nông thôn; thúc đẩy liên kết, xây dựng, phát triển chuỗi giá trị du lịch, nông nghiệp, nông thôn hiệu quả.

- Phát triển và đa dạng hóa kinh tế nông thôn thông qua phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn với loại hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề gắn với nông - lâm - ngư nghiệp có tiềm năng, lợi thế nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, góp phần thực hiện hai mục tiêu chính trị quan trọng là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đạt mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Phát triển hệ thống điểm đến, sản phẩm du lịch nông thôn đặc trưng, hấp dẫn, chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao của Hà Nội đáp ứng nhu cầu thị trường; thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ nông nghiệp nông thôn trong hoạt động du lịch.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến 2025

- Mỗi huyện, thị xã có tiềm năng và thế mạnh về phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn trên địa bàn Thành phố triển khai ít nhất từ 01 đến 03 sản phẩm “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”. Phần đầu có ít nhất 50% số sản phẩm này được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và công nhận OCOP đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên.

- Mỗi huyện, thị xã có tiềm năng xây dựng ít nhất 01 (một) mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù có sự tham gia của các chủ thể Nông dân - Hợp tác xã - Hộ kinh doanh - Doanh nghiệp.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng kiến thức du lịch cho tối thiểu 80% nhân viên làm việc trong các cơ sở dịch vụ, làng nghề phục vụ du lịch, cán bộ quản lý du lịch tại địa phương và các chủ thể hoạt động kinh doanh du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Tập trung xây dựng thí điểm 06 mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch cộng đồng; làng du lịch thông minh; du lịch làng nghề theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững tại các huyện Thường Tín, Đan Phượng, Thanh Trì, Mỹ Đức, Thạch Thất, thị xã Sơn Tây.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng du lịch nông nghiệp nông thôn trên địa bàn Thành phố

- Tổ chức điều tra, thu thập thông tin, số liệu về tài nguyên, thị trường du lịch nông nghiệp nông thôn Hà Nội để phân tích, đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn của Thành phố.

- Nghiên cứu xây dựng phần mềm công nghệ thông tin để thu thập, xử lý các cơ sở dữ liệu về điều tra, đánh giá hiện trạng du lịch nông nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội phục vụ công tác quy hoạch, quản lý mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với nông thôn mới.

- Nghiên cứu, xây dựng khung hướng dẫn chung phục vụ cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở chỉ đạo thực hiện, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các kế hoạch hành động.

2. Tổ chức lựa chọn, hỗ trợ xây dựng và phát triển các điểm đến du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống nông nghiệp, nông thôn

- Tiến hành rà soát, đánh giá, lựa chọn phát triển một số mô hình điểm về du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái cảnh quan nông nghiệp, du lịch ẩm thực, văn hóa lễ hội làng quê, mô hình homestay tại các làng nghề nông nghiệp về trồng trọt sạch an toàn, hữu cơ tại các vùng ngoại thành theo các nhóm: (1) Điểm đến du lịch nông nghiệp; (2) Điểm đến du lịch làng nghề, ngành nghề nông thôn; (3) Điểm đến du lịch văn hóa tâm linh.

- Đầu tư xây dựng thí điểm 06 mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch cộng đồng; làng du lịch thông minh; du lịch làng nghề theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trong đó nghiên cứu kết hợp lồng ghép Bộ tiêu chí đánh

giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Phát triển kinh tế trang trại, đầu tư xây dựng một số mô hình điểm ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với du lịch trải nghiệm giáo dục – du lịch học đường, du lịch sinh thái; du lịch ẩm thực... Phát triển kinh tế du lịch tại các xã có làng nghề, sản phẩm làng nghề truyền thống gắn với các xã có chợ truyền thống và chợ chuyên doanh.

- Tập trung bảo tồn, khôi phục và phát huy giá trị truyền thống trong sản phẩm du lịch. Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, hiện đại, có tính cạnh tranh cao, phát triển mạnh các loại hình du lịch, dịch vụ tại các làng nghề trọng điểm gắn với du lịch; chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; tiếp tục hoàn chỉnh chính sách hỗ trợ đầu tư công trình xử lý môi trường, cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội; chính sách đổi mới công nghệ trong sản xuất, sơ chế chế biến sau thu hoạch.

- Tập trung đầu tư các công trình công cộng tại các khu, điểm du lịch cộng đồng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ về giao thông, điện nước, internet, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm, trung tâm thông tin và điều hành chung cho từng mô hình.

- Hỗ trợ các điểm du lịch cộng đồng xây dựng các tour, tuyến du lịch liên kết giữa các điểm, khu, cụm du lịch nông thôn nhằm bổ sung tính đa dạng cho các loại hình sản phẩm du lịch; phát triển làng nghề và nhóm sản phẩm lưu niệm - nội thất - trang trí, dẫn đưa các làng nghề trở thành các trung tâm bán hàng lưu niệm thủ công truyền thống đặc trưng hấp dẫn khách du lịch, kết hợp cung ứng trải nghiệm thực tế cho du khách qua việc tham gia các hoạt động sản xuất trực tiếp.

- Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, xây dựng các làng du lịch nông nghiệp, nông thôn thông minh tạo sự nối kết khơi dậy sức mạnh nội sinh của cộng đồng cư dân tại chỗ và liên kết bên ngoài; Xây dựng các phần mềm phục vụ công tác quản lý và quảng bá các sản phẩm du lịch và nông nghiệp (phần mềm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề, phần mềm quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng các website, chợ giao dịch điện tử...); Xây dựng mô hình Làng du lịch thông minh, số hóa Trung tâm thông tin (điểm check-in, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, cung cấp thông tin về điểm du lịch và cung ứng dịch vụ ẩm thực...) trong liên kết với các điểm du lịch lân cận theo tour tuyến.

- Trên cơ sở các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển du lịch nói chung và du lịch nông nghiệp, nông thôn nói riêng trên địa bàn Thành phố, cần xác định các điểm đến du lịch nông thôn hiện có, đã được đầu tư, hỗ trợ và dự kiến phát triển những điểm đến du lịch nông thôn mới; tiến hành đánh giá ưu điểm và những khó khăn, vướng mắc, hạn chế của các điểm đến để xác định nội dung hỗ trợ đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn tại các điểm du lịch cộng đồng theo các quy định, hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của Thành phố.

3. Xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”

- Rà soát, lựa chọn và tổ chức xây dựng sản phẩm OCOP “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”; Liên kết và lồng ghép các địa điểm xây dựng sản phẩm OCOP với quy hoạch chung của địa phương, phù hợp với quy định quản lý, sử dụng đất đai.

- Hướng dẫn và hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng trong nội bộ các điểm được xác định xây dựng OCOP du lịch.

- Định hướng cho các tổ chức kinh tế, hộ gia đình nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm và trình độ chuyên nghiệp theo tiêu chí OCOP; hỗ trợ tư vấn về tên sản phẩm, nhãn hiệu và sản xuất mẫu các sản phẩm đặc trưng đã lựa chọn làm sản phẩm quà tặng lưu niệm phục vụ bán hàng OCOP và quà tặng quảng bá.

- Định kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”.

4. Xây dựng các mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp, nông thôn đặc thù có sự tham gia của các chủ thể Nông dân - Hợp tác xã - Hộ kinh doanh - Doanh nghiệp

- Khảo sát hiện trạng, lựa chọn các sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn đặc thù của các địa phương và lựa chọn các chủ thể tham gia mô hình liên kết; Xác định nhu cầu của khách du lịch với các sản phẩm du lịch và khả năng đáp ứng của mô hình.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn và các hợp đồng liên kết giữa các chủ thể liên quan; Xác định đơn vị chủ trì liên kết.

- Hướng dẫn triển khai thực hiện, hỗ trợ vận hành chuỗi liên kết và nguyên tắc phân chia lợi ích giữa các chủ thể.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo chia sẻ, đánh giá và nhân rộng mô hình.

5. Quảng bá, xúc tiến sản phẩm du lịch gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn dưới nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chú trọng đầu tư quảng bá trên kênh truyền thông kỹ thuật số (các trang web du lịch, mạng xã hội); hỗ trợ các hiệp hội, các làng nghề xây dựng và duy trì trang web, Fanpage trên mạng xã hội nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm trên Internet; biên soạn các ấn phẩm, băng hình, phim quảng bá về du lịch, sách hướng dẫn, giới thiệu về các khu du lịch sinh thái, bản đồ chỉ dẫn tham quan...

- Lồng ghép quảng bá, giới thiệu về các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn trong các chương trình quảng cáo về du lịch Việt Nam, du lịch Hà Nội trên các kênh truyền thông quốc tế, các tạp chí du lịch và các ấn phẩm du lịch như: Sách hướng dẫn, sách ảnh, biển chỉ dẫn du lịch,...

- Tăng cường quảng bá du lịch nông nghiệp, nông thôn tại các sự kiện, hội chợ du

lịch trong nước và quốc tế; Đẩy mạnh quảng bá tại các văn phòng lữ hành, đại lý du lịch trong và ngoài nước.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn cho cán bộ cơ sở; triển khai các khóa đào tạo, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ du lịch và định hướng kinh doanh du lịch cộng đồng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia đầu tư, phát triển du lịch tại địa phương.

- Tăng cường đào tạo cho người dân về các kiến thức và kỹ năng làm du lịch, xây dựng văn hoá du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn, văn minh, thanh lịch.

- Tổ chức đội ngũ chuyên gia du lịch, nông nghiệp, nghệ nhân, công nhân kỹ thuật tay nghề cao tham gia hỗ trợ người dân khai thác phát triển các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP phục vụ khách du lịch.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai hoạt động du lịch nông nghiệp, du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và người dân cộng đồng bản địa nâng cao ý thức trách nhiệm, giữ gìn vệ sinh môi trường, có thái độ ứng xử văn minh du lịch; Phối hợp thí điểm với một số cơ sở đào tạo chuyên ngành về du lịch xây dựng giáo trình mang tính thực hành cao phù hợp với tính đặc thù của sản phẩm du lịch nông thôn Hà Nội.

- Tổ chức tham quan khảo sát học hỏi kinh nghiệm giữa các điểm du lịch trên địa bàn và các địa phương khác.

7. Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố

- Đề xuất hoàn thiện, bổ sung và ban hành cơ chế, chính sách, quy định trong quản lý phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn có tính đặc thù của Hà Nội; Nghiên cứu xây dựng, ban hành một số chính sách thu hút các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn như hỗ trợ đầu tư hạ tầng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, xúc tiến quảng bá, bảo tồn giá trị văn hóa; hỗ trợ đào tạo cho người dân nông thôn làm du lịch, cụ thể:

- Triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là vốn ưu tiên cho phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn gắn với du lịch; hỗ trợ cho các Hợp tác xã và thành viên Hợp tác xã làng nghề vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã để phát triển sản xuất, kinh doanh; xem xét hỗ trợ thành lập mới các hợp tác xã trong các làng nghề.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn gắn với du lịch.

- Tập trung đầu tư các công trình công cộng tại các khu, điểm du lịch cộng đồng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ về giao thông, điện nước, internet, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm, trung tâm thông tin...

- Hỗ trợ kinh phí lập dự án cải tạo, xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề; Lựa chọn một số làng nghề tiến hành hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải tập trung; Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước cho sản xuất và hệ thống xử lý nước thải tại các làng nghề theo phương châm Nhà nước và người dân cùng làm.

- Có chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp lữ hành triển khai xây dựng các sản phẩm và đưa khách du lịch đến các khu vực nông thôn.

- Khuyến khích các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực du lịch khu vực nông thôn; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề du lịch cho lao động nông thôn.

8. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về du lịch gắn với du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Kế hoạch cũng như đề ra những giải pháp thực hiện tốt các nhiệm vụ, chủ trương, chính sách của Trung ương, Thành phố về phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường tuyên truyền, thông tin cho người dân về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu du lịch, mô hình du lịch trên địa bàn; các quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự an toàn xã hội; quy tắc ứng xử văn minh du lịch; quy tắc ứng xử nơi công cộng...

- Xử lý nghiêm cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường trên địa bàn đặc biệt khu quy hoạch phát triển du lịch; các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ các nguồn kinh phí: Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Nguồn ngân sách Thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành và Nguồn xã hội hóa.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Du lịch

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan đơn vị, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng năm và đột xuất theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện thị xã xây dựng, hướng dẫn, hỗ trợ và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng OCOP (du lịch cộng đồng) và nhóm sản phẩm lưu niệm - nội thất - trang trí (quà tặng lưu niệm du lịch).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tư vấn về chuyên môn, hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các hộ gia đình, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn

chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho các đơn vị quản lý, đơn vị lữ hành và các đối tượng tham gia phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức các hội nghị, tọa đàm xây dựng phát triển sản phẩm du lịch nông thôn giữa cơ quan quản lý với các chuyên gia trong và ngoài nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch, các làng nghề, hiệp hội du lịch... nhằm kịp thời triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn để tạo điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp nông thôn.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, quảng bá cho sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn tại các diễn đàn, hội chợ, hoạt động xúc tiến du lịch trong và ngoài nước.

- Tham mưu, đề xuất xây dựng một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn đảm bảo triển khai có hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ động cung cấp thông tin về các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch cho các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch rà soát, đánh giá, lựa chọn sản phẩm OCOP nhóm 6 “dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Thành phố ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề gắn với du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Phối hợp với Sở Du lịch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, tiến độ.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển mẫu mã, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm quà tặng du lịch, hàng lưu niệm, trang trí...

- Chủ trì tổ chức các hoạt động triển lãm, cuộc thi chuyên đề, các hoạt động thiết kế sáng tạo, bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm giới thiệu thúc đẩy bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống, tinh hoa của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ Hà Nội.

- Phối hợp với Sở Du lịch khảo sát lựa chọn các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho ngành nông nghiệp; thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, các sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung trình cấp thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho nông nghiệp, phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

5. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Du lịch tham mưu, báo cáo UBND Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được UBND Thành phố giao tại Kế hoạch trên cơ sở đề xuất của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

- Thực hiện các dự án đầu tư bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa đối với các di tích do Thành phố quản lý, đã được phê duyệt trên tại các điểm du lịch cộng đồng và tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa, quản lý các di tích lịch sử, văn hóa cấp huyện, xã.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan lựa chọn các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng; tham dự đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch hướng dẫn các Sở, ngành, quận, huyện, thị xã hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ gia đình xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm; hỗ trợ bảo hộ khai thác tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm, điểm du lịch... gắn với tên địa danh trên địa bàn Thủ đô; hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất kinh doanh sản phẩm/dịch vụ; tư vấn đăng ký mã số mã vạch theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hỗ trợ ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, hàng hoá lưu thông trên địa bàn và nhãn hàng hoá, mã số, mã vạch theo phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm xây dựng, quản lý, khai thác và phát triển thương hiệu trong lĩnh vực du lịch.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện hướng dẫn chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các chủ dự án phát triển du lịch thực hiện tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định; phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng cơ chế chính sách xã hội hóa thu hút đầu tư trong lĩnh vực xử lý môi trường khu vực nông nghiệp, nông thôn.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp Sở Du lịch và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí Thành phố, cơ quan báo chí Trung chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về công tác triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn Thành phố; giới thiệu các mô hình, điểm đến du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch và các cơ quan báo chí để quảng bá các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề chất lượng cao nhằm thu hút du khách đến tham quan và tiêu thụ sản phẩm.

10. Công an Thành phố

- Bảo đảm an ninh, trật tự tại các dự án, khu, điểm du lịch trong quá trình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo môi trường lành mạnh để từng bước khôi phục các hoạt động về du lịch, các dịch vụ liên quan góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh xã hội.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia trong quá trình triển khai các dự án du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố.

11. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Hà Nội

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, du lịch cho các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn của Thành phố; quảng bá về các sản phẩm du lịch cộng đồng trên website, các trang mạng xã hội, tại các quầy thông tin du lịch đang quản lý và khai thác; phối hợp với Sở Du lịch và các đơn vị liên quan xây dựng các ấn phẩm, phim, hình ảnh quảng bá cho các sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân phối hợp các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch.

13. Đề nghị Hiệp hội Du lịch Hà Nội, các Hiệp hội nghề nghiệp, các đơn vị, doanh nghiệp liên quan

Chủ động phối hợp với Sở Du lịch có chương trình cụ thể triển khai kế hoạch này, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

14. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Đề xuất phát triển sản phẩm du lịch và các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP gắn với du lịch làng nghề, du lịch nông thôn trên địa bàn Thành phố theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 18/02/2021 của UBND thành phố Hà Nội.

- Thực hiện các dự án đầu tư bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa đối với các di tích do quận, huyện, thị xã quản lý, đã được phê duyệt tại các điểm du lịch cộng đồng gắn với mục tiêu của Kế hoạch này.

- Bố trí lồng ghép các nguồn lực, tăng cường xã hội hóa để đa dạng kinh phí triển khai Chương trình OCOP về lĩnh vực du lịch trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch triển khai các nội dung trong Kế hoạch; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai Chương trình OCOP về lĩnh vực du lịch trên địa bàn, thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 của UBND thành phố Hà Nội. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Du lịch tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thường trực Thành ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND TP (để b/cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để b/cáo);
- VPĐP NTM Trung ương;
- BCĐ Chương trình 04 Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thành viên Ban BCĐ OCOP Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Văn phòng ĐPNMTM Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KGVX, KT, TH, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Quyền

PHỤ LỤC I

CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố)

STT	NỘI DUNG
I	Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng du lịch nông nghiệp nông thôn để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho quản lý nhà nước và đánh giá cuối kỳ của Kế hoạch 2022-2025
1	<p>- Tổ chức điều tra, thu thập thông tin, số liệu về tài nguyên, thị trường du lịch nông nghiệp nông thôn Hà Nội để phân tích, đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn của Thành phố.</p> <p>- Nghiên cứu xây dựng phần mềm công nghệ thông tin để thu thập, xử lý các cơ sở dữ liệu về điều tra, đánh giá hiện trạng du lịch nông nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội phục vụ công tác quy hoạch, quản lý mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn gắn với nông thôn mới.</p> <p>- Nghiên cứu, xây dựng khung hướng dẫn chung giúp cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở chỉ đạo thực hiện, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các kế hoạch hành động.</p>
II	Xây dựng và phát triển các điểm đến du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn
2	<p>Xây dựng thí điểm 06 mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch cộng đồng; làng du lịch thông minh; du lịch làng nghề theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trong đó nghiên cứu kết hợp lồng ghép Bộ tiêu chí đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, gồm:</p> <ol style="list-style-type: none">(1) Mô hình Làng du lịch nông nghiệp, nông thôn Làng cổ Đường Lâm, thị xã Sơn Tây.(2) Mô hình trải nghiệm, trưng bày và giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề Hồng Vân, huyện Thường Tín.(3) Mô hình du lịch trang trại nông nghiệp huyện Đan Phượng.(4) Mô hình trang trại Vạn An xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì.(5) Mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với làng nghề dệt truyền thống, huyện Mỹ Đức.(6) Mô hình du lịch trang trại hữu cơ Hoa Viên, huyện Thạch Thất.
3	<p>Tổ chức đánh giá, lựa chọn phát triển một số mô hình điểm về du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái cảnh quan nông nghiệp, du lịch ẩm thực, văn hóa lễ hội làng quê, mô hình homestay tại các làng nghề nông nghiệp về trồng trọt sạch an toàn, hữu cơ tại các vùng ngoại thành theo các nhóm: (1) Điểm đến du lịch nông nghiệp; (2) Điểm đến du lịch làng nghề, ngành nghề nông thôn; (3) Điểm đến du lịch văn hóa tâm linh.</p>

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**ĐƠN VỊ PHỐI HỢP****THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Sở Du lịch

- Các Sở, ngành có liên quan;
- UBND các quận, huyện, thị xã.

2022-2023UBND các huyện,
thị xã có liên quan

- Sở Du lịch;
- Sở Nông nghiệp & PTNT.

2022-2025

Sở Du lịch

- Sở Văn hoá & Thể thao;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch cộng đồng

2022-2023

- 4 Phát triển kinh tế trang trại, đầu tư xây dựng một số mô hình điểm ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với du lịch trải nghiệm giáo dục, du lịch cùng cố sức khỏe, du lịch ẩm thực...

II **Xây dựng và phát triển các điểm đến du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn**

- 5 - Phát triển kinh tế du lịch tại các xã có làng nghề, sản phẩm làng nghề truyền thống gắn với các xã có chợ truyền thống và chợ chuyên doanh (xã Bát Tràng, xã Đường Lâm,...)
- Nghiên cứu, hỗ trợ phát triển sản phẩm mới của các làng nghề, phố nghề theo hướng hiện đại, có tính cạnh tranh cao; tập trung phát triển các loại hình du lịch, dịch vụ tại một số làng nghề trọng điểm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 của UBND Thành phố.

Xây dựng các mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù có sự tham gia của các chủ thể Nông dân – Hợp tác xã - Hộ kinh doanh - Doanh nghiệp:

- 6 - Khảo sát hiện trạng, lựa chọn các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù của các địa phương và lựa chọn các chủ thể tham gia mô hình liên kết. Xác định nhu cầu của khách du lịch với các sản phẩm du lịch và khả năng đáp ứng của mô hình.
- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ du lịch NNNT và các hợp đồng liên kết giữa các chủ thể liên quan. Xác định đơn vị chủ trì liên kết.
- Hướng dẫn triển khai thực hiện, hỗ trợ vận hành chuỗi liên kết và nguyên tắc phân chia lợi ích giữa các chủ thể.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo chia sẻ, đánh giá và nhân rộng mô hình.

- 7 Đầu tư xây dựng các công trình công cộng tại các khu, điểm du lịch cộng đồng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ về giao thông, điện nước, rác thải, internet, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm, trung tâm thông tin và điều hành chung cho từng mô hình.

- 8 Hỗ trợ các điểm du lịch cộng đồng xây dựng các tour, tuyến du lịch liên kết giữa các điểm, khu, cụm du lịch nông thôn; phát triển làng nghề và nhóm sản phẩm lưu niệm – nội thất – trang trí phục vụ du lịch.

- 9 Định hướng cho các tổ chức kinh tế, hộ gia đình nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm và trình độ chuyên nghiệp theo tiêu chí OCOP; hỗ trợ tư vấn về tên sản phẩm, nhãn hiệu và sản xuất mẫu các sản phẩm đặc trưng đã lựa chọn làm sản phẩm quà tặng lưu niệm phục vụ bán hàng OCOP và quà tặng quảng bá.

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
Sở Nông nghiệp & PTNT	- UBND các quận, huyện, thị xã liên quan.	2022-2025
Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Du lịch; - Sở Nông nghiệp & PTNT; - Sở Văn hoá & Thể thao; - UBND các quận, huyện, thị xã có làng nghề. 	2022-2025
Sở Nông nghiệp & PTNT	- UBND các quận, huyện, thị xã.	2022-2025
UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Du lịch; - Sở Văn hoá & Thể thao; - Sở Quy hoạch Kiến trúc. 	2022-2025
Sở Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương; - Sở Nông nghiệp & PTNT; - UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch, làng nghề. 	2022-2025
Sở Nông nghiệp & PTNT	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương; - Sở Du lịch; - Sở Khoa học & Công nghệ; - UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch, làng nghề. 	2022-2025

- Đẩy mạnh áp dụng Công nghệ thông tin phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề: phần mềm quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng website, chợ giao dịch điện tử...
- 10 - Xây dựng mô hình Làng du lịch thông minh, số hóa Trung tâm thông tin (điểm check-in, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, cung cấp thông tin về điểm du lịch và cung ứng dịch vụ ẩm thực...) trong liên kết với các điểm du lịch lân cận theo tour tuyến.
- 11 Đánh giá các điểm du lịch để lựa chọn hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ; Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển các sản phẩm và điểm du lịch gắn với tên địa danh của Thủ đô.

III Xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”

- Rà soát, lựa chọn và tổ chức xây dựng sản phẩm OCOP nhóm 6 “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”. Liên kết và lồng ghép các địa điểm xây dựng sản phẩm OCOP với quy hoạch chung của địa phương, phù hợp với quy định quản lý, sử dụng đất đai.
- 12 - Hướng dẫn và hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng trong nội bộ các điểm được xác định xây dựng OCOP du lịch.
- Định hướng cho các tổ chức kinh tế, hộ gia đình nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm và trình độ chuyên nghiệp theo tiêu chí OCOP; hỗ trợ tư vấn về tên sản phẩm, thương hiệu và sản xuất mẫu các sản phẩm đặc trưng đã lựa chọn làm sản phẩm quà tặng lưu niệm phục vụ bán hàng OCOP và quà tặng quảng bá.

Định kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”, gồm:

- Bước 1: Thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn của Trung ương, địa phương liên quan đến Chương trình.
- 13 - Bước 2: Tổ chức khảo sát đánh giá thực trạng sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa chủ lực, có lợi thế của các chủ thể kinh tế, các làng du lịch cộng đồng tại cấp quận, huyện, thị xã.
- Bước 3: Tổ chức lựa chọn các làng làm du lịch cộng đồng (Community Based Tourism, viết tắt là CBT), các sản phẩm quà tặng lưu niệm - nội thất - trang trí thuộc lĩnh vực du lịch có tiềm năng tham gia Chương trình OCOP.
- Bước 4: Đánh giá, xếp loại sản phẩm, dịch vụ (theo Bộ tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP).

IV Quảng bá, xúc tiến sản phẩm du lịch gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn

- 14 Rà soát, chuẩn hóa các bài thuyết minh các điểm tham quan du lịch nông nghiệp nông thôn

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**ĐƠN VỊ PHỐI HỢP****THỜI GIAN THỰC HIỆN**

UBND các quận, huyện, thị xã có liên quan

- Sở Thông tin & Truyền thông;
- Sở Du lịch.
- Sở Công Thương;
- Sở Nông nghiệp & PTNT.

2022-2025

Sở Khoa học & Công nghệ

- Sở Du lịch;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch.

2022-2023

Sở Công Thương

- Sở Du lịch;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch, làng nghề;
- Các chủ thể có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP liên quan đến du lịch.

2022-2025

Sở Nông nghiệp & PTNT

- Sở Công Thương;
- Sở Du lịch;
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch, làng nghề;
- Các chủ thể có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP liên quan đến du lịch.

2022-2025

Sở Du lịch

- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch.

2022-2023

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, dịch vụ du lịch nông thôn trên các kênh truyền thông trong nước và quốc tế, các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm các kênh truyền thông kỹ thuật số (các Website du lịch, mạng xã hội, Fanpage,...);
- 15 biên soạn các ấn phẩm, băng hình, phim quảng bá về du lịch; các sách hướng dẫn, giới thiệu về các khu du lịch sinh thái, các sản phẩm du lịch làng nghề độc đáo của Hà Nội; bản đồ chỉ dẫn tham quan; Số hóa các điểm đến du lịch nông nghiệp nông thôn trong hệ thống giới thiệu chung bằng giao diện ảnh 360, 3D, FLYCAM...
- 16 Tổ chức các sự kiện, hội chợ du lịch trong nước và quốc tế nhằm quảng bá du lịch nông nghiệp Hà Nội; đẩy mạnh quảng bá tại các văn phòng lữ hành, đại lý du lịch trong và ngoài nước.

V Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng

- 17 Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý du lịch tại cơ sở; các khóa đào tạo hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ du lịch và định hướng đầu tư, kinh doanh du lịch cộng đồng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư phát triển du lịch tại địa phương, gắn với đào tạo nghề.
- 18 Tổ chức đội ngũ chuyên gia du lịch, nông nghiệp, nghệ nhân, công nhân kỹ thuật tay nghề bậc cao tham gia hỗ trợ các hộ dân khai thác phát triển các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP phục vụ du lịch.

- 14 - Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai hoạt động du lịch nông nghiệp, du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và người dân cộng đồng bản địa nâng cao ý thức trách nhiệm, giữ gìn vệ sinh môi trường, có thái độ ứng xử văn minh du lịch; Phối hợp thí điểm với một số cơ sở đào tạo chuyên ngành về du lịch xây dựng giáo trình mang tính thực hành cao phù hợp với tính đặc thù của sản phẩm du lịch nông thôn Hà Nội.
- Tổ chức tham quan, khảo sát học hỏi kinh nghiệm giữa các điểm du lịch trên địa bàn và các địa phương khác.

VI Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn

- 20 Xây dựng và triển khai Quyết định ban hành một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Sở Du lịch - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Hà Nội.
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch. **2022-2025**

Sở Du lịch - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Hà Nội. **2022-2025**

Sở Du lịch - Các Trường Đại học, cơ sở đào tạo nghiệp vụ du lịch;
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch cộng đồng. **2022-2025**

Sở Nông nghiệp & PTNT - Sở Du lịch;
- UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch, làng nghề. **2022-2025**

Sở Du lịch - UBND các quận, huyện, thị xã có điểm du lịch cộng đồng. **2022-2025**

Sở Nông nghiệp & PTNT - Sở Công Thương;
- Sở Du lịch;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan. **2022**

PHỤ LỤC II

KINH PHÍ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	DIỄN GIẢI NỘI DUNG	ĐVT
TỔNG CỘNG		
I	Điểm khảo sát, thu thập thông tin đánh giá tài nguyên, thị trường và định hướng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn Hà Nội; Xây dựng phần mềm công nghệ quản lý quy hoạch và mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn; Xây dựng khung hướng dẫn quản lý giám sát điều hành	Đợt
II	Xây dựng thí điểm 06 mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch cộng đồng; làng du lịch thông minh; du lịch làng nghề theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững.	Mô hình
III	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn	Lớp
IV	Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch gắn với làng nghề truyền thống, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn	Đợt

Đơn vị tính: triệu đồng

NĂM 2022		NĂM 2023		NĂM 2024		NĂM 2025		NGUỒN VỐN
SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
	6,295		2.800		1,900		1,900	
1	3,020							Nguồn ngân sách Thành phố
2	1800	2	1800	1	900	1	900	Nguồn ngân sách Thành phố; Nguồn xã hội hóa
5	500	10	1000	10	1000	10	1000	Nguồn ngân sách Thành phố
1	975							Nguồn ngân sách Thành phố

KHU, ĐIỂM DU LỊCH CẤP THÀNH PHỐ THUỘC VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

(TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2023)

STT	TÊN KHU, ĐIỂM DU LỊCH	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	SỐ QĐ CỦA UBND TP	ĐẦU MỐI LIÊN LẠC
1	Điểm du lịch làng nghề sinh vật cảnh Hồng Vân	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín	128 ha	6186/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	- Anh Ngần – Phó Chủ tịch UBND xã SĐT: 0906.220568 - Anh Hiệp - Ban VHXXH SĐT: 0972.669194
2	Điểm du lịch Bát Tràng	Xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	110 ha	3936/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	- Anh Khôi - Chủ tịch UBND xã SĐT: 0912767444 - Anh Kiên - PCT UBND xã SĐT: 0912.785876
3	Điểm du lịch Làng cổ ở Đường Lâm	Xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	164,02 ha	4851/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	- Anh Thọ – TB SĐT: 0983.954923 -Anh An – PTB SĐT: 0912.993748
4	Khu du lịch Ao Vua	Thôn Bát Đàm, xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì	20,8 ha	4233/QĐ-UBND ngày 30/8/2018	Anh Tuấn- PGĐ SĐT: 0988.665268
5	Khu du lịch suối khoáng Tản Đà	Thôn Hòa Trung, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì	49.589,1 m2	6105/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	Anh Quân – GĐĐH SĐT: 0979.448809
6	Khu du lịch Thiên Sơn Suối Ngà	Xã Vân Hòa, huyện Ba Vì	252ha	881/QĐ-UBND ngày 22/02/2019	- Anh Hùng – GĐ SĐT: 0982.023639 - Anh Minh – QL SĐT: 0989.798697
7	Khu du lịch Khoang Xanh - Suối Tiên	Thôn Muồng Cháu, Vân Hòa, huyện Ba Vì	149,2 ha	1664/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	Anh Lợi – GĐ SĐT: 0913.549445-0378.402295
8	Điểm du lịch làng nghề khảm trai -sơn mài Chuyên Mỹ	Xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên	793,0 ha	5927/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	Anh Thương - Chủ tịch UBND xã SĐT: 0971.677828
9	Điểm du lịch làng nghề may Vân Từ	Xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên	647,81 ha	5928/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	Anh Vi - Chủ tịch UBND xã SĐT: 0981681977
10	Điểm du lịch Làng nghề Sơn mài Hạ Thái	Xã Duyên Thái, huyện Thường Tín	134,1 ha	5543/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	- Anh Tiến - Chủ tịch UBND xã SĐT: 0989956224 - Anh Mạnh - Ban VHXXH SĐT: 0975.915869

STT	TÊN KHU, ĐIỂM DU LỊCH	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	SỐ QĐ CỦA UBND TP	ĐẦU MỐI LIÊN LẠC
11	Điểm du lịch Khu sinh thái Đan Phượng	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng	45 ha	5521/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	Chị Xuyên - PTGD SĐT: 0904.461725
12	Điểm du lịch Hạ Mỗ	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng	377,5 ha	5522/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	- Chị Ngân - PCT UBND xã SĐT: 0982196915 - Anh Việt - Ban VHXH SĐT: 0966.025388
13	Di tích quốc gia đặc biệt đền Sóc	Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	65 ha	573/QĐ-UBND ngày 28/01/2021	Anh Nho - TB SĐT: 0978.888946
14	Điểm du lịch Phù Đổng	Xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	1.182 ha	4728/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	Anh Tĩnh - Chủ tịch UBND xã SĐT: 0984.697786
15	Điểm du lịch Di tích quốc gia đặc biệt Cổ Loa	Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh	860,4 ha	4839/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Anh Huy - PTBQLDT SĐT: 0987.572893 Chị Thủy- PHD SĐT: 0904.983944
16	Điểm du lịch Di tích quốc gia đặc biệt Đền Hai Bà Trưng	xã Mê Linh, huyện Mê Linh	129.824 m ²	07/QĐ-UBND ngày 04/01/2022	- Anh Quang - Trưởng Ban SĐT: 0982.568738 - Chị Oanh - Viên chức SĐT: 0979406265
17	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Long	Xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội	56.877,8m ²	1352/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	Chị Phương - GD điều hành SĐT: 0812.220333
18	Điểm du lịch Di tích quốc gia đặc biệt chùa Tây Phương.	Xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội	132.158,8 m ²	2475/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	Anh Trung - PGĐ Trung tâm SĐT: 0982.344789
19	Điểm Du lịch Làng nghề Lược sừng Thụy Ứng	Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội	67,91 ha	4072/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	Anh Thắng - CT UBND xã: SĐT: 0984004689/ 0327672586
20	Điểm Du lịch Dương Xá	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội	494,68ha	4076/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	- Anh Vịnh - CT UBND xã: SĐT: 0912.681646 - Chị Thủy - PCT UBND xã: SĐT: 0949.925754
21	Điểm Du lịch Làng nghề Mộc cao cấp Vạn Điểm	Xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, Hà Nội	82,6 ha	4545/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	- Anh Hà CT UBND xã: SĐT: 0913.523986

STT	TÊN KHU, ĐIỂM DU LỊCH	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	SỐ QĐ CỦA UBND TP	ĐẦU MỐI LIÊN LẠC
22	Điểm Du lịch Di tích quốc gia đặc biệt Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Phường Cách, Hoàng Xá.	Xã Sài Sơn, xã Phương Cách, thị trấn Quốc Oai -huyện Quốc Oai, Hà Nội.	316.834 m2	2281/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	Anh Nam - Trưởng Ban QL các di tích: SDT: 0988.988452
23	Điểm du lịch Đại Áng	Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội	525,16 ha	2801/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	UBND xã Đại Áng: SDT: 02432247641 Công chức VHXX xã Nguyễn Trọng Trường – SDT: 0975 882 807.
24	Điểm du lịch Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội	384,12 ha	2802/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	UBND xã Yên Mỹ, SDT: 02438611057 Công chức Văn hóa xã: Nguyễn Thị Hà – SDT: 0903509106
25	Điểm du lịch thôn Lồng Hồ	Thôn Lồng Hồ, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	90 ha	2823/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	UBND xã Kim Sơn SDT: 024.33836198 Hà Thị Hương Giang – Cán bộ công chức xã Kim Sơn: SDT: 0977.869.382
26	Điểm du lịch làng nghề giấy da Phú Yên	Xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	411,19 ha	4049/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	UBND xã Phú Yên - SDT: 02433794014 Đ/c Nam - cán bộ VH xã - SDT: 0942.081314
27	Điểm du lịch Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	319,95 ha	6431/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	UBND xã Tam Hiệp SDT: 024 3647 0949
28	Điểm du lịch Thanh Liệt	Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	349,18 ha	6436/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	UBND huyện Thanh Trì SDT: 024.38611093
29	Điểm du lịch Duyên Hà	Xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội	276,36 ha	6437/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	UBND xã Duyên Hà SDT: 0243. 8612254.

MỤC LỤC

CẨM NANG TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Lời giới thiệu
2. Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.	4
3. Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.	16
4. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.	32
5. Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội Phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.	46
6. Thông tin các khu, điểm du lịch	67

SỞ DU LỊCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu liên cơ quan Thành phố, số 258 Võ Chí Công, P. Xuân La, Q. Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 37339898

Website: www.tourism.hanoi.gov.vn / www.sodulich.hanoi.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc dự án:

Thạc sĩ: Vũ Thị Phương Thanh

Trình bày sách:

Nguyễn Văn Anh

ISBN: 978-604-41-0751-6

In 5000 cuốn, khổ 15x19cm, tại Công ty TNHH in và thương mại Trần Gia

Địa chỉ: Số 43 ngõ 406 đường Âu Cơ, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, Hà Nội.

Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4742-2023/CXBIPH/38-138/TN

Quyết định xuất bản số 2818/QĐ-NXB TN, cấp ngày 21 tháng 12 năm 2023

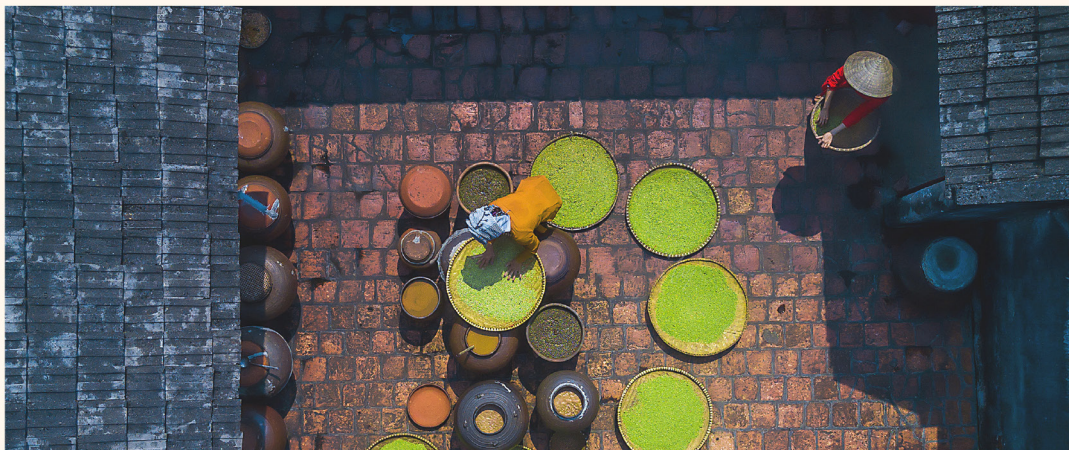
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2023



Tác phẩm: Mùa lúa chín Phúc Thọ / Tác giả: Tuan60



Tác phẩm: Du lịch sinh thái-nông nghiệp xã Hồng Vân / Báo: Báo Lao động thủ đô



Tác phẩm: Nghệ tương làng cổ Đường Lâm / Tác giả: ninamay0703